

Số: 3831 /QĐ-TĐHYKPNT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình đào tạo
ngành Y tế công cộng trình độ Thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 06 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐT-TĐHYKPNT ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng Thẩm định Chương trình đào tạo ngành Y tế công cộng trình độ Thạc sĩ ngày 01 tháng 8 năm 2024;

Theo đề nghị Trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học tại Tờ trình số 560/TTr-QLĐTSDH ngày 25 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo ngành Y tế công cộng trình độ Thạc sĩ, mã ngành: 8720701. (đính kèm phụ lục)

Điều 2. Chương trình đào tạo được áp dụng từ năm học 2024 – 2025. Trong quá trình thực hiện, Khoa/Bộ môn có nhiệm vụ báo cáo, đề xuất các cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo để điều chỉnh cho phù hợp với thực tế nhu cầu chăm sóc sức khỏe.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Trưởng Khoa/Bộ môn; Trưởng các đơn vị có liên quan và các học viên ngành Y tế công cộng trình độ Thạc sĩ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- ĐU, HĐT (để b/c)
- HT và các PHT;
- Lưu: VT, P.QLĐTSDH (TT_15b).

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS. TS. BS. Nguyễn Thanh Hiệp

Phụ lục
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH Y TẾ CÔNG CỘNG
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3831/QĐ-TĐHYKPNT, ngày 02 tháng 10 năm 2024
của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)*

I. Thông tin chung Chương trình đào tạo

- Mã ngành: 8720701
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Định hướng: Nghiên cứu
- Ngành đào tạo: Y tế công cộng (Public Health)
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Phương thức đào tạo: tổ chức đào tạo theo niên chế
- Hình thức tuyển sinh và môn thi tuyển: Theo quy định của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch được mô tả cụ thể trong Thông báo tuyển sinh Sau đại học hàng năm.

- Thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa: 2 năm

II. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

PLO1: Tích hợp được thông tin, kiến thức cốt lõi thuộc lĩnh vực y tế công cộng để đề xuất giải pháp cho các vấn đề sức khỏe công cộng của người dân.

PLO2: Phân tích được các đặc trưng của hệ thống y tế Việt Nam trong mối liên hệ với các hoạt động, chương trình chăm sóc sức khỏe.

PLO3: Thực hiện thành thạo các kỹ năng về tìm kiếm, quản lý, phân tích các dữ liệu khoa học.

PLO4: Triển khai được đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực y tế công cộng trên cơ sở y học chứng cứ qua đó cung cấp các bằng chứng khoa học về các vấn đề sức khỏe.

PLO5: Có kỹ năng truyền tải được kiến thức khoa học và các kết quả nghiên cứu bằng các hình thức phù hợp.

PLO6: Thể hiện được năng lực tự học, liên tục cập nhật kiến thức và tuân thủ luật pháp, đạo đức nghề nghiệp.

Ghi chú: PLO là viết tắt của thuật ngữ Program Learning Outcomes (chuẩn đầu ra chương trình đào tạo).

III. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

3.1. Triết lý giáo dục của trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

“Giáo dục toàn diện – Hướng về cộng đồng – Lấy người học làm trung tâm”.

3.2. Sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược của Trường

- Sứ mạng: “Đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng”.

- Tầm nhìn: “Phát triển thành một trong những Đại học khoa học sức khỏe hàng đầu trong cả nước, hội nhập quốc tế”.

- Chiến lược: Phát triển thành Trường Đại học sức khỏe hàng đầu trong nước. Có các chương trình đào tạo chất lượng cao, đạt chuẩn khu vực và quốc tế. Tăng cường nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, lấy người học làm trung tâm với đội ngũ giảng viên được phát triển. Quản trị đại học theo hình thức tiên tiến, dựa trên công nghệ 4.0. Đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo.

3.3. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Chương trình có mục tiêu đào tạo người học đạt trình độ thạc sĩ ngành Y tế công cộng định hướng nghiên cứu có phẩm chất đạo đức và thái độ đúng đắn trong thực hành chuyên môn y tế công cộng; có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng ở mức độ làm chủ kiến thức trong phạm vi của ngành y tế công cộng; có kỹ năng phân biệt, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học; có kỹ năng nghiên cứu trong lĩnh vực y tế công cộng nhằm cung cấp những bằng chứng khoa học và đưa ra những giải pháp giúp giải quyết vấn đề và nâng cao sức khỏe cộng đồng ; có kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức trong các lĩnh vực chuyên môn và hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ; có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi và khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp.

IV. CHUẨN ĐẦU VÀO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4.1. Chuẩn đầu vào

Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu, người học phải tốt nghiệp đại học hạng khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập.

4.2 Danh mục ngành phù hợp đối với người tốt nghiệp trình độ đại học

- Ngành phù hợp: Các ngành đào tạo bậc đại học theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học. Trong đó, người có bằng tốt nghiệp đại học không thuộc khối ngành sức khỏe, phải hoàn thành chứng chỉ đào tạo bổ túc kiến thức đầu vào có nội dung đào tạo bao gồm các học phần Dịch tễ học, Dân số học, Sức khỏe môi trường, Tổ chức - Quản lý Y tế, Sinh lý.

4.3 Những ngoại ngữ được chấp nhận trong chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra: tiếng Anh và tiếng Pháp.

V. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Bảng 1: Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Khối lượng học tập	Tổng số tín chỉ
1	Học phần chung	5 (8,3%)
2	Học phần cơ sở hỗ trợ	8 (13,3%)
3	Học phần ngành/chuyên ngành: - Học phần Bắt buộc - Học phần Tự chọn	23 (38,4%) 7 (11,7%) 16 (26,7%)
4	Chuyên đề nghiên cứu	12 (20%)
5	Luận văn	12 (20%)
Tổng cộng		60

5.2. Chương trình đào tạo chi tiết

Bảng 2: Chương trình đào tạo chi tiết

T T	Mã học phần	Tên học phần bằng tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Học kỳ thực hiện			
					Lý thuyết	Thực hành	1	2	3	4
I. HỌC PHẦN CHUNG (5 tín chỉ)										
1	040000031A01	Triết học	Phylosophy	3	3	0	X			
2	040000071A02	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Scientific Research Methodology	2	2	0	X			

T T	Mã học phần	Tên học phần bằng tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Học kỳ thực hiện			
					Lý thuyết	Thực hành	1	2	3	4
II. HỌC PHẦN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ (8 tín chỉ)										
1	040701072A16	Thống kê Y học	Biostatistics	4	2	2	X			
2	040000082A15	Sư phạm Y học	Medical education	2	2	0		X		
3	040000072A03	Đạo đức trong nghiên cứu Y sinh	Ethics in biomedical research	2	2	0		X		
III. HỌC PHẦN CHUYÊN NGÀNH										
3.1 HỌC PHẦN BẮT BUỘC: (7 tín chỉ)										
1	040701073A01	Quản lý sức khỏe môi trường	Environmental health management	2	2	0	X			
2	040701073A02	Đánh giá tình trạng dinh dưỡng	Nutritional assessment	3	1	2	X			
3	040701073A03	Điều tra và xử lý dịch	Outbreak investigation and control	2	1	1	X			
3.2. HỌC PHẦN TỰ CHỌN: (Chọn 16 tín chỉ trên 21 tín chỉ)										
1	040701073B01	Thống kê y học nâng cao	Advanced medical statistics	2	1	1				X
2	040701073B02	Đại cương về kinh tế học và kinh tế y tế	Economics and health economics: introduction	3	3	0				X
3	040701073B03	Các chương trình sức khỏe	Health programs	4	3	1				X
4	040701073B04	An toàn thực phẩm	Food safety	3	2	1				X

T T	Mã học phần	Tên học phần bằng tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Học kỳ thực hiện			
					Lý thuyết	Thực hành	1	2	3	4
5	040701073B05	Phương pháp nghiên cứu định tính trong y tế công cộng	Qualitative research methods in public health	2	2	0			X	
6	040701073B06	Kế hoạch Y tế	Health planning	3	1	2			X	
7	040701073B07	Quản lý sức khỏe nghề nghiệp	Occupational health management	2	2	0			X	
8	040701073B08	Quản lý chất lượng toàn diện	Total quality management	2	1	1			X	
IV. CHUYÊN ĐỀ NGHIÊN CỨU: (12 tín chỉ)										
1	040701074A01	Tổ chức - Quản lý y tế	Healthcare management organization	3					X	
2	040701074A02	Y học chứng cứ	Evidence based medicine	2					X	
3	040701074A03	Dịch tễ học nâng cao	Advanced epidemiology	2					X	
4	040701074A04	Dân số và phát triển	Population and development	3					X	
5	040701074A05	Giáo dục và nâng cao sức khỏe	Health education and health promotion	2			X			
V. LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP: (12 tín chỉ)										
1	040701076A03	Luận văn thạc sĩ	Master thesis	12					X	X

VI. Ma trận quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Bảng 3: Ma trận quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Tên học phần bằng tiếng Việt	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)					
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6
1	Triết học	2	2	2	4	4	4
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	4	2	4	4	5	5
3	Thống kê Y học	3	2	5	5	5	3
4	Su phạm Y học	2	2	3	3	5	4
5	Đạo đức trong nghiên cứu Y sinh	3	4	4	4	4	5
6	Quản lý Sức khỏe môi trường	5	4	5	5	4	5
7	Đánh giá tình trạng dinh dưỡng	5	3	3	3	3	3
8	Điều tra và xử lý dịch	5	5	5	5	5	2
9	Thống kê y học nâng cao	3	2	5	5	5	3
10	Đại cương về kinh tế học và kinh tế y tế	5	5	4	4	5	4
11	Các chương trình sức khỏe	5	3	5	3	3	2
12	An toàn thực phẩm	4	2	3	3	3	4
13	Phương pháp nghiên cứu định tính trong y tế công cộng	5	4	5	5	4	4
14	Kế hoạch Y tế	5	3	3	3	2	2
15	Quản lý Sức khỏe nghề nghiệp	5	4	5	5	4	5
16	Quản lý chất lượng toàn diện	5	5	5	5	4	5
17	Tổ chức - Quản lý y tế	4	5	3	3	3	2
18	Y học chứng cứ	5	2	5	5	5	4
19	Dịch tễ học nâng cao	5	3	5	5	4	4
20	Dân số và phát triển	5	4	5	4	4	3
21	Giáo dục và nâng cao sức khỏe	4	5	4	5	5	5

TT	Tên học phần bằng tiếng Việt	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)					
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6
22	Luận văn thạc sĩ	5	5	5	5	5	5

1: Không đáp ứng

2: Ít đáp ứng

3: Đáp ứng trung bình

4: Đáp ứng nhiều

5: Đáp ứng rất nhiều

VII. Tổ chức dạy học và phương pháp giảng dạy: nội dung thể hiện ở Đề cương chi tiết từng học phần.

7.1. Tổ chức dạy học

Tổ chức dạy học trực tiếp: Nhà trường sẽ tổ chức dạy học trực tiếp hầu hết cho tất cả các học phần theo từng lớp học, theo thời khoá biểu của từng học kỳ. Trường có hệ thống phòng học đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng phục vụ cho hoạt động dạy và học. Bên cạnh đó hệ thống các phòng thực tập tại cơ sở và thực hành tại các bệnh viện được trang bị nhiều thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy học, trong đó có nhiều thiết bị hiện đại và đạt chuẩn quốc tế.

Tổ chức dạy học trực tuyến: Trường có nguồn tài nguyên học liệu đa phương tiện trên nền tảng số cho tất cả các môn học/học phần của chương trình đào tạo, có các phòng học đa phương tiện, phòng ghi hình/ghi âm bài giảng phục vụ cho đào tạo trực tuyến. Trong cấu trúc từng học phần/môn học có phương án chuyển đổi giảng dạy theo hình thức kết hợp (blended-learning) với trọng số không quá 30% thời lượng được giảng dạy trên nền tảng số, đảm bảo đáp ứng quy định, yêu cầu dạy và học một cách tốt nhất có thể.

7.2. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

Bảng 4: Quan hệ giữa phương pháp giảng dạy và học tập với chuẩn đầu ra (PLO)

Phương pháp dạy và học	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)					
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6
Phương pháp thuyết giảng có lồng ghép dạy học tích cực (Lecturing method integrates active teaching)	X	X	X	X	X	X
Dạy học dựa trên vấn đề (Problem based learning)	X	X	X	X		X
Dạy học dựa trên làm việc nhóm (Team based learning)			X		X	X
Dạy học dựa trên cộng đồng (Community based learning)	X	X	X	X	X	X
Dạy học dựa trên nghiên cứu (Research based learning)	X	X	X	X	X	X

7.3 Học liệu:

- Tài liệu học tập chính: thể hiện ở Đề cương chi tiết từng học phần.
- Tài liệu tham khảo: thể hiện ở Đề cương chi tiết từng học phần.

VIII. Phương pháp kiểm tra đánh giá: nội dung thể hiện ở Đề cương chi tiết từng học phần.

8.1. Đánh giá quá trình

Đây là hoạt động thường xuyên, liên tục nhằm hỗ trợ người dạy và người học tự đánh giá, xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong từng buổi học, làm cơ sở cho hoàn thành từng tín chỉ, học phần của chương trình đào tạo. Đánh giá quá trình bao gồm (1) Tính chuyên cần; (2) Việc hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm và khả năng thuyết trình; (3) Đảm bảo an toàn, quy trình kỹ thuật; (4) Có đủ điểm thành phần theo quy định tại Quy chế đào tạo của Trường.

8.2. Đánh giá kết thúc học phần

Đây là hoạt động do Trường tổ chức khi kết thúc học phần trong chương trình đào tạo. Thi học phần lý thuyết theo các hình thức trắc nghiệm khách quan, tự luận câu hỏi ngắn,... Thi học phần thực hành thông qua thực hiện và báo cáo các chuyên đề và dự án, thực hành các kỹ thuật, trình bày bài thuyết trình,...

Bảng 5: Quan hệ giữa phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra (PLO)

Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)					
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6
Tự luận câu hỏi ngắn	X	X		X		X
Trắc nghiệm nhiều lựa chọn	X	X				
Thuyết trình	X	X	X		X	X
Viết và báo cáo chuyên đề	X	X	X	X	X	X
Luận văn	X	X	X	X	X	X